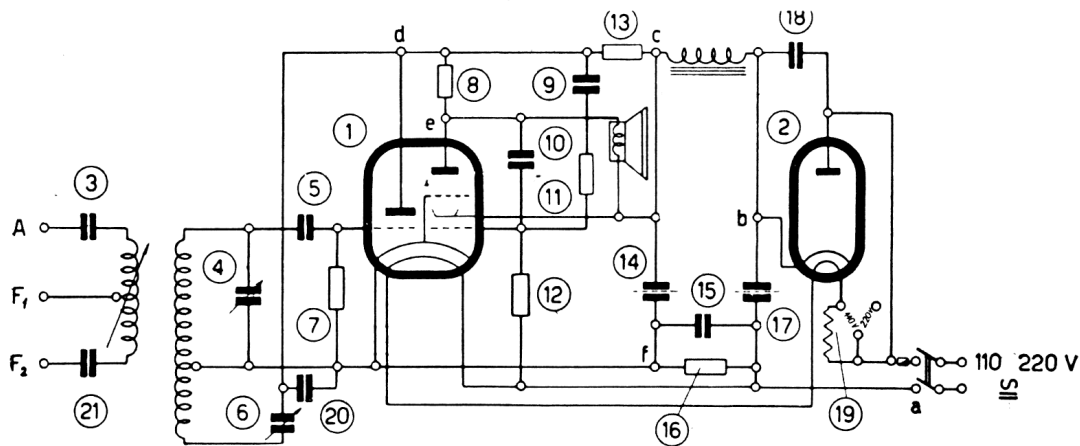


T. 141 V (NÉPVEVŐ)

- | | | |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1. VCL 11 cső | 8. 200 pF 1500 V | 15. 8 MF 350/380 V |
| 2. VY 2 cső | 9. 2 M Ohm 0.5 W. | 16. 2.500 Ohm 1.5 W. |
| 3. 1.000 pF 1500 V | 10. 5.000 pF 1500 V | 17. 0.9 MF 500 V |
| 4. 1.000 pF | 11. 25 pF 1500 V | 18. 300 Ohm 0.5 W. |
| 5. 100 pF 1500 V | 12. 0.1 M Ohm 0.5 W. | 19. 10.000 pF 3500 V |
| 6. 100 pF | 13. 1.5 M Ohm 0.5 W. | 20. 8 MF 350/380 V |
| 7. 1 M Ohm 0.5 W. | 14. 0.2 M Ohm 0.5 W. | 21. 1.000 pF 1500 V |

A készülékben mérhető fontosabb feszültségek (3000 ohm/volt műszerrel mérve):

- a—b 270 V
- a—c 230 V
- a—d 90 V
- a—e 200 V
- a—f 5 V



T. 141 U (NÉPVEVŐ)

- | | | |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1. VCL 11 cső | 8. 2 M Ohm 0.5 W. | 15. 0.9 MF 500 V |
| 2. VY 2 cső | 9. 5.000 pF 1500 V | 16. 300 Ohm 0.5 W. |
| 3. 1.000 pF 1500 V | 10. 25 pF 1500 V | 17. 8 MF 350/380 V |
| 4. 1.000 pF | 11. 0.1 M Ohm 0.5 W. | 18. 10.000 pF 3500 V |
| 5. 100 pF 1500 V | 12. 1.5 M Ohm 0.5 W. | 19. 2.200 Ohm |
| 6. 100 pF | 13. 0.2 M Ohm 0.5 W. | 20. 200 pF 1500 V |
| 7. 1 M Ohm 0.5 W. | 14. 8 MF 350/380 V | 21. 1.000 pF 1500 V |

Feszültségek, mint a 141 V-nél, de csak 220 V-os hálózathál.